

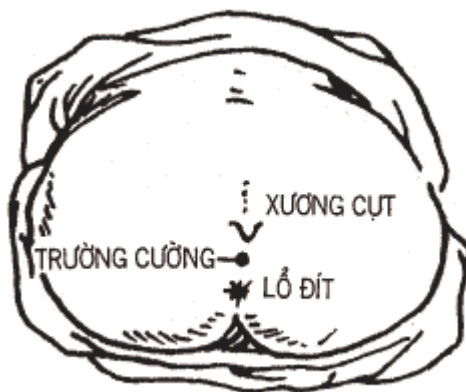
ĐỐC MẠCH: 28 HUYỆT**1. Trường cường:**

Vị trí: Phía dưới xương cụt, sau hậu môn.

Cách lấy huyết: Quỳ cúi gập xuống, huyết ở chỗ lõm giữa hậu môn và xương cụt. (H. 96)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5–1 thốn. Cứu 3 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Với *Thừa sơn* trị đại tiện ra máu, với *Đại đôn* trị sán khí; với *Bách hội*, *Thừa sơn*, *Khí hải*, trị thoát giang (lòi dom).



Hình 96

2. Yêu du

Vị trí: Dưới móm gai đốt sống lưng thứ 21 (đốt 4 xương cùng).

Cách lấy huyết: Nằm sấp lấy huyết (H. 75).

Cách châm: Châm chéch kim lên phía trên, sâu 0,3 –0,5 thốn. Cứu 7 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau lưng, kinh nguyệt không đều.

Tác dụng phối hợp: Với *Hoàn khiêu* trị đau lưng.

3. Yêu Dương quan

Vị trí: Dưới móm gai đốt sống lưng số 16 (dưới đốt thắt lưng 4) nằm sấp, nới 2 mào sau xương chậu giao điểm với đường dọc sống lưng, xuống thêm một móm gai. (H. 75).

Cách châm: Châm mũi kim chéch lên, sâu 1-1,5 thốn. cứu 3 mồi. Hơ 5-15 phút.

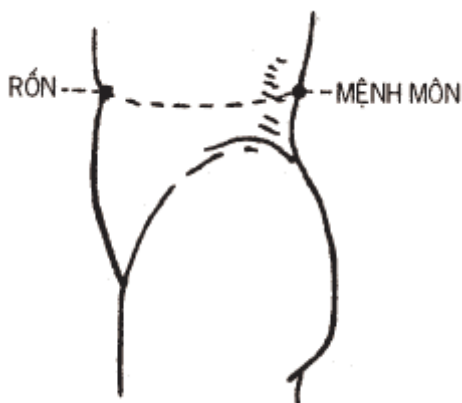
Chủ trị: Đau thắt lưng và xương cùng, kinh nguyệt không đều, khí hư, di tinh, liệt dương, ỉy, đại tiện ra máu.

Tác dụng phối hợp: Với *Ủy trung* trị đau lưng.

4. Mệnh môn

Vị trí: Chỗ lõm đốt sống 14 (dưới đốt thắt lưng 2) tương đương với rốn ở phía trước. (H. 75, H. 99)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.



Hình 99

Chủ trị: Đau thắt lưng, đau bụng hành kinh, băng lậu huyết, ỉa ra máu, liệt dương, di tinh, đái dầm, đau cột sống, đau bụng.

Tác dụng phối hợp: Với Bách hội, Quan nguyên, trị ỉa chảy.

5. Huyền khu

Vị trí: Dưới móm gai đốt sống thắt lưng 1. (H. 75)

Cách châm: Châm hơi chếch lên, sâu 0,5–1 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Đau lưng, thắt lưng đau, tiêu hoá kém, viêm ruột, ỉa chảy.

6. Tích trung

Vị trí: Dưới móm gai đốt sống lưng 11. (H. 75)

Cách châm: Châm mũi kim chếch lên, sâu 0. 5-1 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Động kinh, vàng da, ỉa chảy, trẻ em lòi dom.

7. Trung khu

Vị trí: Dưới móm gai đốt sống 10. (H. 75)

Cách châm: Châm mũi kim chếch lên, sâu 0,5 –1 thốn. Cứu 3 mỗi.

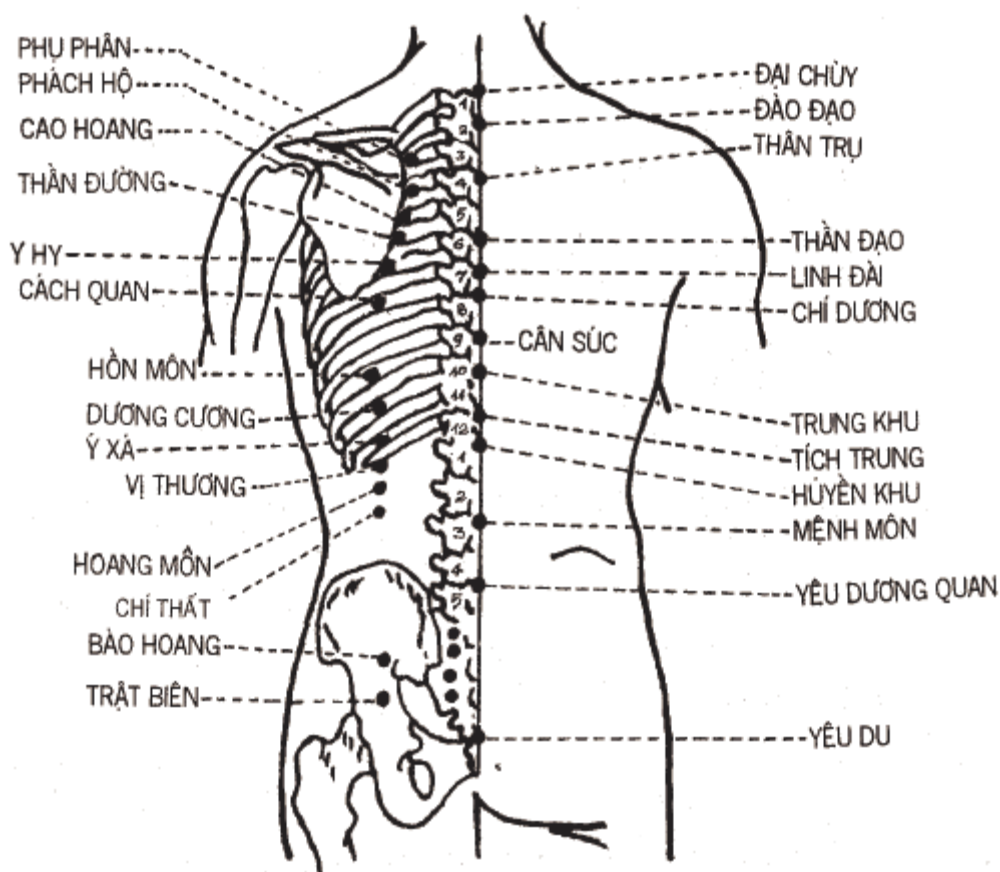
Chủ trị: Lưng đau, thắt lưng đau, đau dạ dày, ăn không ngon, sức nhìn giảm.

8. Cân túc

Vị trí: Dưới móm gai đốt sống lưng 9. (h. 75)

Cách châm: Châm mũi kim chếch lên, sâu 0,5 –1 thốn. cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Lưng đau, thắt lưng đau, đau dạ dày, suy nhược thần kinh, động kinh, bệnh thần kinh chức năng.



Hình 75

9. Chí dương

Vị trí: Ở khe lõm dưới mỏm gai đốt sống lưng 7, ngồi ngay hay nằm sấp, đốt sống 7 tương đương với đầu nhọn phía dưới của xương bả vai, để vai xuôi tự nhiên mà lấy huyết (H. 75)

Cách châm: Châm mũi kim chéch lên, sâu 0,5–1 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Ho, hen, vai lưng đau, cổ cứng đơ, đau dạ dày, viêm gan, viêm túi mật, đau liên sườn.

Tác dụng phối hợp: Với Trung quản, Uyển cốt, trị hoàng đản (vàng da).

10. Linh đài

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt sống lưng 6. (H. 75)

Cách châm: Châm mũi kim chéch lên, sâu 0,5–1 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Hen suyễn, viêm phế quản, đau lưng, đau dạ dày, mụn nhọt.

11. Thần đạo

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt sống lưng 5 (H. 75)

Cách châm: Châm chéch kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 5 mồi.

Chủ trị: Suy nhược thần kinh, đau lưng trên, ho, đau thần kinh liên sườn, sốt rét, trẻ em kinh phong.

12. Thân trụ

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt sống lưng 3, ngồi ngay cúi đầu hay nằm sấp lấy huyết. (H. 75)

Cách châm: Châm mũi kim chếch lên, sâu 0,3 –0,5 thốn. Cứu 3-5 mũi. Hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Vai, lưng đau, mụn nhọt, ho hen.

Tác dụng phối hợp: Với *Uỷ trung* trị mụn nhọt mới mọc; với *Đại chùy*, *Phong môn* (hoặc *bầu giác*) chữa ho gà.

13. Đào đạo

Vị trí: Chỗ lõm dưới đốt sống lưng 1, ngồi ngay cúi đầu lấy huyết (h. 75)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3 –0,5 thốn. Cứu 5 mũi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Cứng cột sống, đau đầu, sốt cao, sốt rét, điên dại.

14. Đại chùy

Vị trí: Chỗ lõm trên đốt sống lưng 1, dưới đốt cổ số 7. (h. 75)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3–0,5 thốn. Cứu 5-7 mũi, hơ 5-15 phút.

Chủ trị: Cảm mạo, phát sốt, nôn mửa, ỉa, cứng gáy, đau cột sống, ho, trẻ em co giật, động kinh, sái cổ, mắt hoả bốc, ho gà mất ngủ.

Tác dụng phối hợp: Với *Hợp cốc*, *Khúc trì* trị cảm mạo; với *Gian sử*, *Hậu Khê*, trị sốt rét; với *Trung phủ* trị xuất huyết do giãn phế quản.

15. Á môn:

Vị trí: Ở chính giữa gáy cổ vào chân tóc, ngồi ngay, cúi đầu, chân tóc vào 0,5 thốn (giữa đốt cổ 1-2). (H. 100)



Hình 100

Cách châm: với người lớn mà gầy châm sâu chừng 1 thốn, người béo châm sâu gần 2 thốn, kim chếch xuống, hướng vào yết hầu người bệnh. Cầm chếch mũi kim lên. Khi châm tiến kim từ từ, không vê ngoáy. Khi người bệnh có cảm giác tê như điện thì phải rút kim

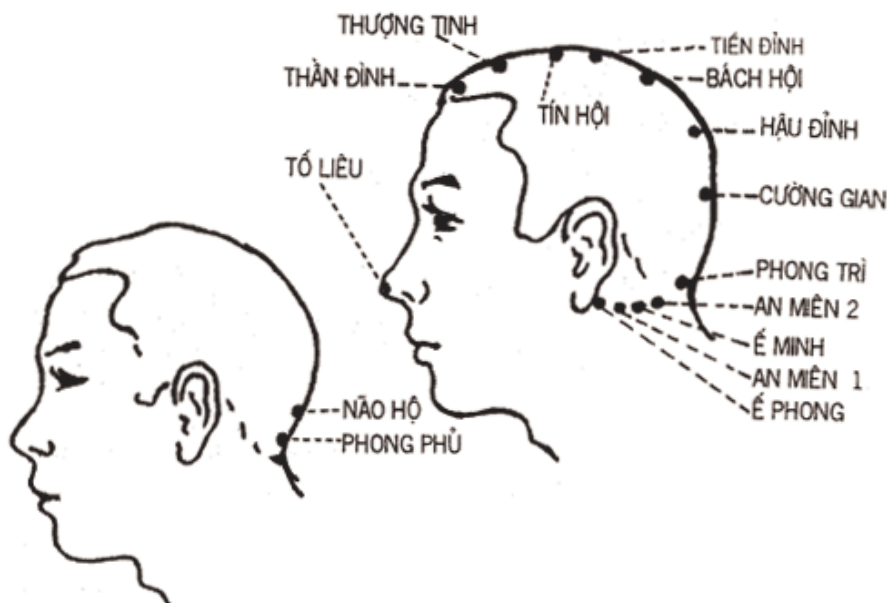
ngay. Khi sâu tới mức đã quy định mà vẫn chưa có cảm giác cũng không được châm sâu hơn, tránh gây ra tai biến. (xuất huyết não). Cầm cứu.

Chủ trị: Câm điếc

Tác dụng phối hợp: Với Nhĩ môn, Thính cung, Ngoại quan, Trung chủ, trị câm điếc.

16. Phong phủ

Vị trí: Giữa mép tóc sau gáy lên 1 thốn, chỗ lõm dưới lồi cằm (H. 101)



Hình 101

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 – 0,8 thốn. Cầm cứu.

Chủ trị: Câm mạo, đau đầu, cứng gáy, bệnh tinh thần, trúng gió.

17. Não hộ

Vị trí: Trên huyết Phong phủ 1,5 thốn, phía trên ụ xương lồi cằm. (H. 101)

Cách châm: Châm dưới da, sâu 0,5 – 0,8 thốn. Cầm châm đứng kim. Cầm cứu.

Chủ trị: Đầu cổ cứng đau, đầu choáng, động kinh.

18. Cường gian

Vị trí: Trên huyết Não hộ 1,5 thốn. (H. 101)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5 – 0,8 thốn. Cứu 5 mồi.

Chủ trị: Đau đầu, cứng gáy, đau sau đầu, choáng váng.

20. Bách hội

Vị trí: Chính giữa đỉnh đầu. Lấy từ điểm giữa đường nối hai lông mày lên 1 thốn làm một phía, từ đó qua giữa đầu, sang mép tóc sau gáy, điểm giữa đường này là huyết. (H. 101)

Cách châm: Châm chếch kim dưới da, mũi kim ra phía trước hoặc phía sau, sâu 0,2 – 0,3 thốn. Cứu 3 mũi.

Chủ trị: Đau đầu, đau mắt, tắc mũi, chảy máu mũi, choáng váng, động kinh, cổ cứng, phát sốt, cảm điếc, trẻ em ỉa chảy, sa dạ con, đẻ xong mất ngủ, trúng gió, lòi dom.

Tác dụng phối hợp: Với *Hợp cốc*, *Thái xung* chữa đau đỉnh đầu; với *Cưu vũ* trị ỉa; với *Trường cường*, *Thừa sơn*, trị lòi dom; với *Thái xung*, *Tam âm giao*, trị đau hầu họng.

21. Tiền đình

Vị trí: Từ huyết *Bách hội* ra phía trước đầu 1,5 thốn. (H. 101)

Cách châm: Châm chếch kim, sâu 0,5 – 0,8 thốn. Cứu 5 mũi.

Chủ trị: Đau đỉnh đầu, choáng váng, mặt sưng đỏ, trẻ em kinh phong.

22. Tín hội

Vị trí: Từ huyết *Bách hội* ra phía trước đầu 3 thốn. (H. 101)

Cách châm: Châm chếch kim, sâu 0,5 – 0,8 thốn. Cứu 3 mũi.

Chủ trị: Đau đầu, choáng váng, chảy máu mũi, trẻ em kinh phong.

23. Thượng tinh

Vị trí: Từ mép tóc trước trán lên 1 thốn. (H. 101)

Cách châm: Châm mũi kim chếch về hướng đỉnh đầu, luồn dưới da, sâu 0,2 - 0,3 thốn. Cứu 3 mũi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau đầu, đau mắt, tắc mũi, chảy máu cam.

Tác dụng phối hợp: Với *Hợp cốc* trị đau đầu; với *Nghinh hương* trị bệnh mũi.

24. Thần đình

Vị trí: Mép tóc trước trán lên 0,5 thốn. (H. 101)

Cách châm: Châm mũi kim chếch lên hướng đỉnh đầu, luồn dưới da, sâu 0,2 – 0,3 thốn. Cứu 3 mũi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau đầu, động kinh, đau xương ụ mảy.

Tác dụng phối hợp: Với *Thượng tinh*, *Ấn đường* trị đau phía trước đỉnh đầu.

25. Tổ liêu

Vị trí: Ở trên quả mũi, chính giữa đầu nhọn mũi, trong da là sụn. (H. 101, H. 102)

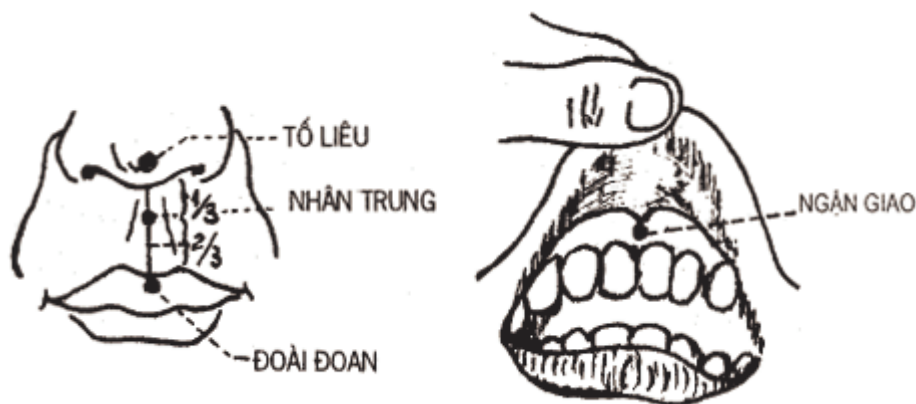
Cách châm: Châm mũi kim chếch lên, sâu 0,1 – 0,2 thốn. Cắm cứu.

Chủ trị: Mũi tắc, chảy máu mũi, mũi đỏ, bệnh trứng cá đỏ đầu mũi.

Tác dụng phối hợp: Với *Nội quan*, *Bách hội*, *Nhân trung*, trị chứng hươu khấc (ngắt lịm).

26. Nhân trung (Thủy câu)

Vị trí: Giữa rãnh nước dưới mũi, cách $\frac{1}{3}$ phía trên rãnh Nhân trung. (h. 102)



Hình 102 – Hình 103

Cách châm: Châm chéch kim, sâu 0,2 – 0,3 thốn, khi cấp cứu, cứ cách 1 đêm, vê kim một lần hoặc châm Nhân trung thấu Ngận giao. Không cứu.

Chủ trị: Động kinh, hàm răng cắn chặt, trúng gió hư thoát, hôn mê, say nắng, chân tay co rúm, trẻ em co giật, bụng ngực đau nhói.

Tác dụng phối hợp: Với Ủy trung trị lưng và sống lưng đau; với Hợp cốc, Trung xung trị say nắng, bất tỉnh nhân sự; với Ngận giao trị chứng đau vùng thắt lưng.

27. Ngận giao

Vị trí: Ở phía trong môi trên và lợi răng trên giao nhau, chỗ dây chằng môi trên. (H. 103)

Cách châm: Châm mũi kim chéch lên, sâu 0,1 – 0,2 thốn, hoặc chích nặn máu. Không cứu.

Chủ trị: Răng lợi sưng đau, trĩ.

Tác dụng phối hợp: Với Trường cường trị trĩ.

28. Đồi đao

Vị trí: Chính giữa đầu chót môi trên. (H. 102)

Cách châm: Ngậm miệng, ngửa hàm. Châm 0,2 thốn. Không cứu.

Chủ trị: Viêm nhũ bọ, đái vàng, lưỡi khô, máu cam chảy không dứt, sưng môi, miệng ngậm mà hàm khua lập cập, uống nhiều, đái nhiều, răng đau, tắc mũi, đờm dãi.